

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HC-PT

Ngày: 21/5/2020.

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Phan Thị Vân Hương .

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 298/2019/TLPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2019/HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3320/2020/QĐPT-HC ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Cao Thị H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn Liên Sơn, xã A, huyện G, tỉnh T; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Luật sư Nguyễn Văn T - Công ty Luật TNHH F Chi nhánh Thăng Long
- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Ông Lương Văn B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tầng 02 nhà CC2 Khu đô thị M, phường M, Quận N, Thành phố H; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND và UBND huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D - Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh T.
Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Nhiệm - Phó Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh T; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Mai Cao C - Giám đốc Ban giải phóng mặt bằng (BGPMB); có mặt.

Ông Nguyễn Hồng H - Phó Giám đốc Ban GPMB huyện G; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã A, huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn C - Chủ tịch UBND xã A, huyện G; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L- Cán bộ địa chính xã A; có mặt.

3.2. Anh Nguyễn Ngọc M; trú tại: Thôn Liên Sơn, xã A, huyện G, tỉnh T; vắng mặt.

Anh Nguyễn Ngọc M uỷ quyền cho bà Cao Thị H.

Người kháng cáo: Bà Cao Thị H và anh Nguyễn Ngọc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Thực hiện dự án Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ A đi cảng Nghi Sơn, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G đã ban hành Quyết định số 6597/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 1. Theo đó, hộ anh Nguyễn Ngọc M (con trai bà Cao Thị H) được hỗ trợ công trình, vật kiến trúc số tiền là 33.478.400đ; bồi thường về cây trồng, vật nuôi là 9.698.000đ.

Ngày 13/4/2018, UBND huyện G ban hành Quyết định số 2251/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Cao Thị H để thực hiện dự án: Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ A đi cảng Nghi Sơn. Theo đó, thu hồi 2.749,3m² đất trồng cây hàng năm (gồm: diện tích đã bồi thường nhưng chưa thu hồi đất thuộc dự án tuyến đường ống nước sạch Khu kinh tế Nghi Sơn 186,0m²; diện tích chưa GPMB 2.563,3m²) do hộ bà Cao Thị H đang sử dụng, thuộc một phần thửa đất số 26, tờ trích đo số 3, thuộc Mảnh trích đo địa chính số 01/TĐĐC-2017 tại thôn Liên Sơn, xã A, huyện G, tỉnh T. Diện tích còn lại ngoài mốc 71,2m² không thu hồi.

Ngày 13/4/2018, UBND huyện G ban hành Quyết định số 2244/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại xã A để thực hiện dự án: Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ A đi cảng Nghi Sơn. Theo đó, hộ bà Cao Thị H được bồi thường, hỗ trợ 352.453.800đ, bao gồm: Bồi thường về đất đối với diện tích 2.563,3m² là 140.981.500đ (đã trừ 186,0m² đã được bồi thường tại dự án đường ống nước sạch khu kinh tế Nghi Sơn); hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là 211.472.300đ.

Sau khi Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2244/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 ban hành, Hội đồng BTHTTĐC đã thông báo chi trả tiền nhiều lần nhưng hộ bà H không nhận tiền. UBND xã A, Mặt trận tổ quốc xã A, Hội

đồng BTHTTĐC và các tổ chức Đoàn thể nhiều lần vận động, thuyết phục nhưng hộ bà H không chấp hành bàn giao mặt bằng.

Ngày 08/8/2018, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 4902/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị H.

Bà H có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện G vì cho rằng diện tích đất của gia đình theo bản đồ địa chính năm 2011 là 3.744,7m², trừ đi 500m² đã bán cho ông Nguyễn Hữu T và 186m² bị thu hồi tại dự án đường ống nước sạch khu kinh tế Nghi Sơn thì diện tích đất còn lại là 3.058m², UBND huyện G thu hồi và bồi thường cho gia đình bà còn thiếu diện tích 309,4m² đất và đất của gia đình bà phải được bồi thường là đất ở.

Ngày 22/10/2018, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6856/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H.

Ngày 16/11/2018, bà H có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh T, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND huyện G gồm: Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 về việc thu hồi đất; Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định số 4902/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về việc cưỡng chế và Quyết định giải quyết khiếu nại số 6856/QĐ-UBND ngày 22/10/2018.

- Buộc UBND huyện G xác định lại diện tích đất bị thu hồi để bồi thường cho gia đình bà;

- Buộc UBND huyện G bồi thường vật kiến trúc và cây trồng vật nuôi theo nội dung đã kiểm kê;

- Buộc UBND huyện G hỗ trợ tái định cư và tăng mức bồi thường bằng giá đất ở;

- Yêu cầu UBND huyện thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định cuộc sống.

Ngày 28/01/2019, UBND huyện G ban hành Quyết định số 869/QĐ-UBND phê duyệt hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ bà Cao Thị H với 4 nhân khẩu, 12 tháng, số tiền 17.280.000đ.

Tại phiên đối thoại và công khai tài liệu chứng cứ ngày 11/3/2019, bà Cao Thị H rút yêu cầu xác định lại diện tích đất đã thu hồi và giữ nguyên các nội dung yêu cầu khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2019/HC-ST ngày 24/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định: Bác đơn khởi kiện của bà Cao Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy các Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND và UBND huyện G bao gồm: Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 về việc thu hồi đất; Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định số 4902/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 6856/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại đối với hộ bà Cao Thị H. Yêu cầu UBND huyện G bồi thường vật kiến trúc và cây trồng vật nuôi theo nội dung đã

kiểm kê. Buộc UBND huyện G hỗ trợ tái định cư và tăng mức bồi thường. Yêu cầu UBND huyện G thực hiện chính sách hỗ trợ để ổn định cuộc sống.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/6/2019, bà Cao Thị H có đơn kháng cáo; ngày 04/7/2019, anh Nguyễn Ngọc M có đơn kháng cáo nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 về việc thu hồi đất; hủy Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; hủy Quyết định số 4902/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất; hủy Quyết định số 6856/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại. Buộc UBND huyện G phải bồi thường vật kiến trúc và cây trồng vật nuôi theo nội dung đã kiểm kê. Buộc UBND huyện G, xem xét hỗ trợ tái định cư, tăng mức bồi thường cho gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Cao Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Cao Thị H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà H và anh M sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm với các nội dung: Chấp nhận bồi thường về vật kiến trúc là 34.824.740đ và tổng cả bồi thường vật kiến trúc và cây cối là 44.522.740đ. Buộc UBND huyện G hỗ trợ suất tái định cư và tăng mức hỗ trợ ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Cao Thị H và anh Nguyễn Ngọc M; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/4/2018, bà Cao Thị H khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 thu hồi đất; Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định số 4902/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại số 6856/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 là khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét nội dung bà Cao Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 2251/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 2244/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện Tĩnh Gia.

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện G được thực

hiện đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

[2.2] Về căn cứ xác định loại đất: Nguồn gốc đất của hộ bà Cao Thị H được các bên thống nhất do bố chồng bà H là cụ Nguyễn Hữu S khai hoang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp sau đó cho vợ chồng bà H. Hồ sơ quản lý đất đai các thời kỳ đều thể hiện đất của hộ bà H là đất trồng cây hàng năm và chưa có giấy tờ theo Điều 100 Luật đất đai 2013. Đến năm 2007, bà H cho con là Nguyễn Ngọc M sử dụng nhưng anh M cũng chưa thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định. Đối với bản đồ hiện trạng 2017 ghi đất ở nông thôn (ONT), vì tại thời điểm này anh M đã xây nhà trên đất. UBND xã A xác định đất của hộ bà H là đất xuất nông nghiệp có thời điểm sử dụng trước năm 2004. Việc anh Nguyễn Ngọc M xây dựng nhà ở và công trình trên đất từ năm 2016 đến năm 2017 đã bị UBND xã A lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 10/1/2017, người vi phạm vắng mặt nhưng có người chứng kiến là trưởng thôn Nguyễn Hữu A. Ngày 12/01/2017, Chủ tịch UBND xã A đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND về việc đình chỉ xây dựng, cùng ngày chị Lê Thị C là vợ của anh M đã nhận quyết định. Do đó, việc bà H và anh M cho rằng gia đình anh M chưa bị lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính là không đúng. Thửa đất của hộ bà H có nguồn gốc là đất sản xuất nông nghiệp; tại phiên toà phúc thẩm bà H khẳng định trước thời điểm tháng 01/2017, phần đất nêu trên gia đình bà H sử dụng để trồng màu. Như vậy, tại thời điểm thu hồi đất gia đình bà H tự chuyển mục đích sử dụng thành đất ở không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Do đó, trong Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt bồi thường của UBND huyện G, xác định đất của hộ bà H (con là Nguyễn Ngọc M) là đất trồng cây hàng năm và không được bồi thường theo giá đất ở là đúng, phù hợp với quy định tại Điều 62; khoản 2 Điều 77 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai đã sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Toà án cấp sơ thẩm đã bác các yêu cầu huỷ Quyết định số 2251/QĐ-UBND thu hồi đất và Quyết định số 2244/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện Tĩnh Gia là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H và anh M.

[2.3] Về bồi thường tài sản nhà cửa, vật kiến trúc trên đất: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 65; khoản 1 Điều 92 Luật đất đai 2013 thì nhà nước không bồi thường đối với tài sản gắn với đất do sử dụng đất không đúng mục đích. Tuy nhiên, anh Nguyễn Ngọc M đã được Hội đồng BTGPMB huyện G thực hiện kiểm đếm tài sản vào ngày 14/2/2017 và ngày 07/3/2017 với đầy đủ hạng mục công trình vật kiến trúc và cây cối trên đất. Tại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 6597/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện G; anh M được vận dụng hỗ trợ đối với vật kiến trúc 20% bằng 33.478.400đ và cây cối hoa màu được bồi thường 100% bằng 9.698.000đ. Đơn giá tài sản vật kiến trúc được áp dụng theo Quyết định số 4925/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh về “*ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà*

nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh”; đơn giá cây trồng áp dụng theo Quyết định số 4437/2016/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh T. Đối chiếu giữa Phương án bồi thường với Biên bản kiểm kê là đúng và đầy đủ về số lượng, chủng loại; quyền lợi của hộ bà H đã được đảm bảo. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường tài sản vật kiến trúc và cây trồng.

[2.4] Về yêu cầu bố trí đất tái định cư: Đất của hộ bà H (cho anh M sử dụng) là đất trồng cây hàng năm; Do đó, không đủ điều kiện được bố trí tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Không chấp nhận kháng cáo đề nghị hỗ trợ tái định cư và tăng mức bồi thường.

[2.5] Về yêu cầu hỗ trợ ổn định cuộc sống: Trên cơ sở tổng diện tích đất nông nghiệp hộ bà Cao Thị H đang sử dụng bị thu hồi và xác nhận nhân khẩu của Công an xã A, tại Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND huyện G đã phê duyệt hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ bà H 04 nhân khẩu với số tiền 17.280.000đ, mức hỗ trợ tương đương 30kg gạo tẻ với giá 12.000đ/kg/01 nhân khẩu, thời gian hỗ trợ 12 tháng là phù hợp quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 12 Quyết định số 3161/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh T quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nghi Sơn. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H và anh M tăng mức hỗ trợ.

[3] Về yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4902/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện G: Tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ có quy định: “... *trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất ...*”. Sau khi Quyết định số 2244/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường được ban hành, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ tái định cư đã thông báo nhiều lần nhưng hộ bà H không nhận tiền và khiếu nại về việc thiếu diện tích và yêu cầu được bồi thường đất ở và đã được Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6856/QĐ-UBND ngày 22/10/2018. Tiếp theo, hộ bà H (con là Nguyễn Ngọc M) đã được UBND xã, MTTQ xã A, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư và các đoàn thể vận động, thuyết phục nhiều lần nhưng không chấp hành việc bàn giao mặt bằng. Sau đó hộ bà H đã tự tháo dỡ công trình xây dựng trên đất nên UBND huyện G không phải cưỡng chế tháo dỡ nhà mà chỉ cưỡng chế bàn giao đất để thực hiện dự án. Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 4902/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị H là đúng thẩm quyền và đảm bảo đầy trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013 và Nghị định hướng dẫn thi hành. Yêu cầu của bà Cao Thị H đề nghị hủy Quyết định số 4902/QĐ-UBND đã không được Toà án cấp sơ thẩm

chấp nhận là đúng; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo hủy Quyết định số 4902/QĐ-UBND.

[4] Xét kháng cáo của bà Cao Thị H đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6856/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G, thấy rằng: Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 6856/QĐ-UBND đối với khiếu nại của hộ bà H là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại 2011. Về nội dung khiếu nại diện tích đất thu hồi bị thiếu, tại Tòa án cấp sơ thẩm bà H đã rút nên không xem xét. Đối với nội dung yêu cầu được bồi thường đất ở đã được Hội đồng xét xử nhận định tại đoạn [2.2]; đất của bà H giao cho anh M sử dụng tại thửa số 139, tờ bản đồ 13 là đất trồng cây hàng năm nên không đủ điều kiện được bồi thường là đất ở. Tại Quyết định số 6856/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện G không chấp nhận khiếu nại của bà Cao Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 6856/QĐ-UBND.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị H không được Tòa án chấp nhận nên bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của bà Cao Thị H và anh Nguyễn Ngọc M. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2019/ST-HC ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Án phí: Bà Cao Thị H phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào khoản tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2018/0004563 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T (Hò Thị Thanh O nộp thay cho Cao Thị H).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVÁ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình